TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương;

Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Cẩm L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phạm D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa chị Trương Thị Cẩm L có mặt, anh Phạm D vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16-4-2019, Tờ tự khai ngày 14-6-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thị Cẩm L trình bày: Năm 1999, chị L và anh D yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới cho chị L và anh D về chung sống với nhau, chị L và anh D chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị L và anh D có 02 con chung tên Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006. Hiện nay T đã thành niên và đang đi làm công nhân ở Bình Dương, H thì

còn đi học và hiện đang sống chung với chị L. Chị L và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường hay nhậu nhẹt dẫn đến say xỉn, từ đó anh D không quan tâm chăm sóc gì cho chị L và các con. Ngoài ra thì mỗi lần anh D say xỉn, khi được chị L khuyên can thì anh D lại mắng chửi xúc phạm đến nhân phẩm của chị L làm chị L bị tổn thương rất lớn về tinh thần, vậy nên chị L đã ly thân với anh D từ tháng 02-2018 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị L và anh D cũng không hàn gắn lại được tình cảm. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Phạm D.

- Về con chung: Con chung Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom Phạm Thị Như H mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày trong Văn bản ý kiến ngày 14-6-2019 của bị đơn Phạm D: Năm 1999, anh D và chị L yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới cho anh D và chị L về chung sống với nhau, anh D và chị L chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh D và chị L có 02 con chung tên Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006. Hiện nay T đã thành niên và đang đi làm công nhân ở Bình Dương, H thì còn đi học và hiện đang sống chung với chị L. Anh D và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng lục đục cự cãi, đến tháng 02-2018 thì ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân thì anh D và chị L cũng không hàn gắn lại được tình cảm. Nay qua yêu cầu của chị L thì anh D có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Cẩm L.

- Về con chung: Con chung Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D đồng ý tự nguyện giao con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom Phạm Thị Như H mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 18-4-2019 nguyên đơn Trương Thị Cẩm L, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn Phạm D, sinh năm 1964, địa

chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy: Nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 23-4-2019 là đúng quy định tại các điều 5, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với bị đơn Phạm D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh D đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến tháng 2-2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chị L và anh D không đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp xác nhận ngày 16-4-2019. Do đó, hôn nhân của chị L và anh D là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Chị L và anh D có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù chị L và anh D thống nhất ly hôn, nhưng hôn nhân của chị L và anh D không hợp pháp, do đó không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh D thống nhất trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có được 02 con chung tên Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006. Nay ly hôn chị L và anh D thống nhất giao con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H (hiện cháu H đang sống chung với chị L và nguyện vọng của cháu H là muốn được sống chung với chị L theo Tờ tự khai ngày 14-6-2019 của cháu H), anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H mà không ai được cản trở, nên công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D. Đối với con chung tên Phạm

Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, chị L và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng, anh D không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy chị Trương Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008019 ngày 23-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Trương Thị Cẩm L đã nộp đủ tiền án phí. Anh Phạm D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Cẩm L và anh Phạm D là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trương Thị Cẩm L và anh Phạm D, chị Trương Thị Cẩm L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Thị Như H, sinh ngày 03-10-2006 (hiện cháu H đang sống chung với chị L và nguyện vọng của cháu H là muốn được sống chung với chị L), anh Phạm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom Phạm Thị Như H mà không ai được cản trở. Đối với con chung tên Phạm Thị Mai T, sinh ngày 15-3-2000, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, chị L và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Cẩm L không yêu cầu cấp dưỡng, anh Phạm D không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Cẩm L và anh Phạm D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Trương Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008019 ngày 23-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Trương Thị Cẩm L đã nộp đủ tiền án phí .

Anh Phạm D không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15-8-2019). Riêng bị đơn Phạm D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu